TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-4-2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chúc Ngân

Bà Cao Thị Kim Phương

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phạm Việt Dũng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/ 2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1982; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A, ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Địa chỉ liên hệ: Hẻm A đường L, phường T, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

- *Bị đơn*: Chị Phạm Thị Tuyết T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số A, ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - anh Nguyễn Hoàng H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hoàng H và chị Phạm Thị Tuyết T tự nguyện quen biết, tìm hiểu và yêu thương nhau khoảng ba năm thì hai bên tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/01/2013.

Theo anh H, sau khi kết hôn vợ chồng anh H thuê nhà sống tại thành phố để làm ăn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng một năm đầu nhưng sau khi sinh con đầu lòng thì mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong tất cả mọi vấn đề dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên lớn tiếng cãi nhau làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt mà không thể hàn gắn được. Đỉnh điểm khi mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể giải quyết được khoảng tháng 3/2024 chị T đã tự ý bỏ về nhà cha mẹ đẻ (ở huyện T) sống cho đến nay, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau cũng không gặp nhau nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn, vợ chồng chỉ liên hệ với nhau để trao đổi vấn đề về con chung.

Nay anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh H không đồng ý quay về đoàn tụ vì vợ chồng chung sống với nhau không có hạnh phúc do đó anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị Tuyết T.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Cao Kiều L, sinh ngày 01/6/2014, hiện cháu L đang sống với anh H. Khi ly hôn, anh H yêu cầu được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Hoàng H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản lấy lời khai đề ngày 20 tháng 12 năm 2024, bị đơn - chị Phạm Thị Tuyết T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Tuyết T thừa nhận chị và anh Nguyễn Hoàng H quen biết, tìm hiểu nhau được khoảng gần hai năm thì tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/01/2013.

Theo chị T, sau khi kết hôn vợ chồng chị thuê nhà trọ sinh sống ở Quận T, thành phố Hồ Chí Minh, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, đến khoảng đầu năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng tính cách không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã về vấn đề công việc, kinh tế, con cái. Vợ chồng đã nhiều lần cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng mâu thuẫn vẫn xảy ra, mâu thuẫn này phía gia đình chị T cũng nắm được và khuyên cả hai cho nhau cơ hội những vẫn không hàn gắn được. Đến khoảng tháng 6/2024 thì vợ chồng bắt đầu sống ly thân, chị T dọn về nhà cha mẹ đẻ tại địa chỉ số A, ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai sinh sống, còn anh H sống cùng con chung tại nhà thuê trên thành phố Hồ Chí Minh. Kể từ khi sống ly thân, vợ chồng ít khi liên lạc, chủ yếu chỉ trao đổi về vấn đề con cái.

Đối với yêu cầu ly hôn của anh H, chị T mong muốn vợ chồng cho nhau cơ hội để hàn gắn tình cảm.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Cao Kiều L, sinh ngày 01/6/2014, hiện cháu L đang sống với anh H. Nếu ly hôn, chị T đồng ý

giao con chung cho anh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Tuyết T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều không đến tham dự (nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do) nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung vụ án*:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Nguyễn Hoàng H và chị Phạm Thị Tuyết T được ly hôn.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Cao Kiều L, sinh ngày 01/6/2014 cho anh H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh H không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung với bị đơn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Theo kết quả xác minh, hiện bị đơn đang cư trú tại xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai (BL 33) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự*: Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt (nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do). Căn cứ

khoản 2 Điều 227 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] **Về nội dung vụ án**:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Hoàng H và chị Phạm Thị Tuyết T tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/01/2013 (BL 26), căn cứ Điều 9 và Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đây được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, chị T và anh H đã không còn sống chung với nhau từ khoảng tháng 6/2024 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình. Do quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nhưng chị T và anh H đều không trình báo nên chính quyền địa phương không nắm được nhưng cả hai bên đều thừa nhận, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả xác minh ngày 13/12/2024 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang:*" ... Từ khi anh H kết hôn đến nay anh đã đi làm ăn không sống tại địa phương (ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang) một năm anh H về thăm gia đình một hoặc hai lần, mỗi lần anh về thăm gia đình chỉ có anh H và con ngoài ra địa phương cũng không thấy vợ anh H về thăm gia đình chồng cùng với anh H nên việc mâu thuẫn của vợ chồng anh H và chị T địa phương cũng không nắm được."* (BL 48-49).

Xét mong muốn đoàn tụ của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để các bên hàn gắn tình cảm theo yêu cầu của bị đơn nhưng không có kết quả, chị T không đến Tòa án làm việc và cũng không đưa ra được bất cứ biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với anh H, cả hai cũng không liên hệ nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn, chứng tỏ cả hai bên cũng không có thiện chí đoàn tụ. Do đó, xét mong muốn hàn gắn đoàn tụ của bị đơn là không có cơ sở và không phù hợp với nhận định trên nên không được chấp nhận.

Từ các phân tích trên, xét mâu thuẫn giữa anh H và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Anh H và chị T có một con chung là cháu Nguyễn Cao Kiều L, sinh ngày 01/6/2014.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo anh H, hiện anh đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh H xác định đảm bảo điều kiện chăm sóc cho con chung; yêu cầu của anh H phù hợp với nguyện vọng của con chung và được bị đơn đồng ý. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ, Hội đồng xét xử xét cần tiếp tục giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Anh H hiện có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc cho con chung. Mặc dù đã được Tòa án giải thích pháp luật

về nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng anh H không yêu cầu nên tạm thời chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh H xác định không có nợ chung và tài sản chung, anh H và chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] **Về án phí**: Anh Nguyễn Hoàng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] **Về quyền kháng cáo**: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9; Điều 11; Điều 89 và Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - anh Nguyễn Hoàng H.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho anh Nguyễn Hoàng H và chị Phạm Thị Tuyết T được ly hôn.

2. *Về con chung*:

2.1. Giao cháu Nguyễn Cao Kiều L, sinh ngày 01/6/2014 cho anh Nguyễn Hoàng H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.2 Chị Phạm Thị Tuyết T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Tạm thời chị Phạm Thị Tuyết T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Nguyễn Hoàng H không yêu cầu.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Anh Nguyễn Hoàng H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0008149 ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Anh Nguyễn Hoàng H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CCTHADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (GCNKH số 03/2013)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thùy Trang